***Tiết …***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Lớp 8A Tiết (TKB):* | *Ng.giảng: / /20* | *Sĩ số: /* | *Vắng:* |
| *Lớp 8B Tiết (TKB):* | *Ng.giảng: / /20* | *Sĩ số: /* | *Vắng:* |
| *Lớp 8C Tiết (TKB):* | *Ng.giảng: / /20* | *Sĩ số: /* | *Vắng:* |

**

***Môn học: KHTN phân môn Sinh học - Lớp: 8***

***Thời gian thực hiện: … tiết***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

***1.1. Năng lực chung***

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tự tìm hiểu về môi trường trong cơ thể cũng như những bệnh liên quan tới.

- Giao tiếp và hợp tác: Tích cực trao đổi, tham gia hoạt động nhóm và sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt các nội dung về môi trường trong cơ thể cũng như cân bằng môi trường trong cơ thể

- Giải quyết vấn để và sáng tạo: Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

***1.2. Năng lực khoa học tự nhiên***

- Nhận thức khoa học tự nhiên: nêu được khái niệm môi trường trong của cơ thể cũng như các vấn đề ảnh hưởng tới sự cân bằng môi trường trong cơ thể

- Tìm hiểu tự nhiên: Tìm hiểu được các bệnh liên quan tới môi trường trong của cơ thể.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các h.động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trách nhiệm: Có ý thức tự giác thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Ý thức tự bảo vệ bản thân và người thấn tránh các bệnh liên quan tới môi trường trong.

- Trung thực trong việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập,

- GV: SGK, SBT, tài liệu tham khảo về các bệnh liên quan hệ nội tiết.

**2. Học sinh:** Học bài và làm các bài tập sgk

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động (Mở đầu)**

***a. Mục tiêu:*** Tạo hứng thú học tập cho học sinh, xác định vấn đề bài học

***b. Nội dung:*** GV cho HS quan sát hình ảnh và nêu ra tình huống như sgk để HS dự đoán câu trả lời

***c. Sản phẩm:*** câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV cho HS quan sát hình ảnh sau và nêu vấn đề như sgk  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  **-** Học sinh quan sát đưa ra câu trả lời  ***\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận***  **-** Giáo viên gọi đại diện một số HS trả lời  ***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***  **-** Giáo viên nhận xét và giới thiệu vào bài mới. | ***\* Nội dung***  Rối loại môi trường trong liên quan tới tăng nồng độ uric acid trong máu. |

**2. Hình thành kiến thức mới**

***\* Hoạt động 1. môi trường trong cơ thể.***

***a. Mục tiêu:*** nêu được khái niêm môi trường trong cơ thể. Môi liên hệ giữa môi trường trong và môi trường ngoài thông qua các hệ cơ quan.

***b. Nội dung:*** Giáo viên cho học sinh quan sát hình 36.1 và thảo luận trả lời câu hỏi

***c. Sản phẩm:*** câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV cho HS hoạt động theo nhóm (5 nhóm)  - GV yêu cầu HS quan sát H36.1 và nghiên cứu thông tin sgk thảo luận nhóm trả lời câu hỏi (7 phút)  **1.** Mô tả các thành phần môi trường trong của cơ thể  **2.** Môi trường trong cơ thể là gì?  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS quan sát hình ảnh, nghiên cứu TTSGK trang 150 thảo luận và hoàn thành câu trả lời vào giấy A4.  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi đại diện 1 số nhóm lên bảng xác định vị trí trên tranh và trả lời.  ***\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV mời học sinh nhóm khác nhận xét và bổ sung    - Giáo viên nhận xét, chốt lại kiến thức và đánh giá các nhóm.  - GV giới thiệu một số tuyến nội tiết khác như tuyến tùng, tuyến cận giáp, tuyến ức.  - GV cho HS xem video [Các thành phần của máu - YouTube](https://www.youtube.com/watch?v=yQuL74aIArI) thành phần của máu | **I. Môi trường trong cơ thể.**   1. - Thành phần môi trường trong của cơ thể   - Thành phần gồm: máu, nước mô và bạch huyết   1. - Môi trường trong cơ thể  |  | | --- | | **✍**  **- *Môi trường trong cơ thể bao gồm mấu, nước mô và bạch huyết.***  **-**  ***Môi trường trong cơ thể thường xuyên liên hệ với môi trường ngoài thông qua các hệ cơ quan như hệ tiêu hoá, hệ tuần hoàn, hệ hô hấp và da,...*** | |

***\* Hoạt động 2. Cân bằng môi trường trong của cơ thể.***

***a. Mục tiêu:*** Nêu được khái niệm và vai trò của sự cân bằng môi trường trong cơ thể.

- Vận dụng được hiểu biết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

- Tìm hiểu được các bệnh liên quan tới rối loại môi trường trong cở thể.

***b. Nội dung:*** GV giao nhiệm vụ HS đọc kết quả xét nghiệm bảng 36.1. Kết hợp trả lời câu hỏi để rút ra kết luận

***c. Sản phẩm:*** Bài báo cáo của các nhóm và câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK trang 151 thảo luân câu hỏi  + Cân bằng trong cơ thể là gì và có vai trò như thế nào đối với cơ thể?  + Sau khi ăn quá năm chúng ta thường có cảm giác khat. Việc uống nhiều nước sau khi ăn quá nặm có ý nghĩa gì đối với cơ thể?  - Yêu cầu học sinh đọc thông tin bảng 36.1 kết quả xét nghiệm nồng độ Glucose và uric acid trong máu và thảo luận nhóm nhận xét kết quả xét nghiệm dự đoán các nguy cơ về sức khoẻ của bệnh( nếu có) và đưa ra lời khuyên hợp lí?  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Đại diện HS N1, N3 lên báo cáo kết quả. N2, N4 nhận xét, bổ sung.  - HS thảo luận nêu ra biện pháp phòng chống.  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV mời lần lượt đại diện các nhóm lên bảng báo cáo kết quả.  - Đại diện một số nhóm đứng tại chỗ trả lời. các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung  ***\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - Các nhóm đánh giá chéo lẫn nhau.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động các nhóm. GV chốt lại kiến thức | **II. Cân bằng môi trường trong của cơ thể**  **1.** Cân bằng trong cơ thể là gì? vai trò như thế nào đối với cơ thể?  - Là duy trì ổn định của môi trường trong cơ thể đảm bảo cho hoạt động của cơ thể diễn ra bình thường.  - Vai trò đối với cơ thể: có vai trò rất quan trọng đối với cơ thể nếu môi trường trong của cơ thể không được duy trì ổn định (mất cân bằng) sẽ gây ra sự biến đội hoặc gây ra rối loại hoạt động của tế bào, cơ quan, cơ thể.  **2.** Sau khi ăn quá năm chúng ta thường có cảm giác khát. Việc uống nhiều nước sau khi ăn quá nặm có ý nghĩa gì đối với cơ thể?  - Sau khi ăn quá nặm nồng độ muối NaCl trong máu tăng cao, việc uống nước nhiều sau khi ăn nặm làm giảm nồng độ muối NaCl trong máu duy trì nồng độ muối NaCl trong máu ở mức cân bằng.  - Nhận xét kết quả xét nghiệm nồng độ Clucose và Uric acid trong máu.  + Từ phiếu kết quả có thể dự đoán bệnh nhân bị bệnh tiểu đường do chỉ số hàm lượng Glucose trong máu cao hơn so với bình thường. Tuy nhiên chỉ số Uric acid trong máu thấp hơn so với bình thường.  + Lời khuyên: bệnh nhân cần giảm thức ăn chứa nhiều đường trong khẩu phần ăn (giảm tinh bột, đồ ngọt...) ăn nhiều rau xanh, các loại quả ít ngọt, tập thể dục thường xuyên nâng cao sự lưu thông máu nhằm ổn định môi trường trong cơ thể.   |  | | --- | | **✍ *- Môi trường trong cơ thể được duy trì ổn định giúp cơ thể hoạt động bình thường. Mất cân bằng môi trường trong, cơ thể có nguy cơ mắc một số bệnh nguy hiểm.*** | |

**3. Hoạt động luyện tập**

***a. Mục tiêu:*** củng cố lại kiến thức của cả bài. Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình.

***b. Nội dung:*** Gv cho HS chơi trò chơi vòng quay may mắn.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của học sinh.

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - GV giới thiệu luật chơi trò chơi  ***Câu 1.*** Môi trường trong của cơ thể gồm  A. Nước mô, các tế bào máu, kháng thể.  B. Máu, nước mô, bạch huyết.  C. Huyết tương, các tế bào máu, kháng thể.  D. Máu, nước mô, bạch cầu.  ***Câu 2.*** Nước mô ***không*** bao gồm thành phần nào dưới đây?  A. Huyết tương B. Hồng cầu  C. Bạch cầu D. Tiểu cầu  ***Câu 3.*** Trong cơ thể, tế bào nằm chìm ngập trong loại dịch nào?  A. Nước mô B. Máu  C. Dịch bạch huyết D. Dịch nhân  ***Câu 4.*** Quá trình trao đổi chất theo 2 cấp độ không thể hiện rõ ở hệ cơ quan nào dưới đây?  A. Hệ hô hấp. B. Hệ tiêu hoá.  C. Hệ bài tiết. D. Tất cả các phương án còn lại.  ***Câu 5****.* Hệ cơ quan nào là cầu nối trung gian giữa trao đổi chất ở cấp độ tb và trao đổi chất ở cấp độ cơ thể?  A. Hệ tiêu hoá. B. Hệ hô hấp.  C. Hệ bài tiết. D. Hệ tuần hoàn.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - Đại diện nhóm đứng lên chọn câu hỏi trả lời.  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi HS bất kỳ trả lời câu hỏi. HS khác nhận xét.  ***\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV nhận xét và quay vòng quay khi HS trả lời đúng | ***Câu 1:* B**  ***Câu 2:* B**  ***Câu 3:* A**  ***Câu 4:* C**  ***Câu 5:* D** |

**4. Hoạt động vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng được hiểu biết về các tuyến nội tiết để bảo vệ sức khỏe bản thân và người thân trong gia đình

***b. Nội dung:*** Cho HS xây dựng khẩu phần ăn phù hợp để phòng chống bệnh tiểu đường và một số bệnh nội tiết khác

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của học sinh

***d. Tổ chức thực hiện***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***  - Dựa vào thông tin trong Bảng 1, cho biết khi nào thì một người bị bệnh tiểu đường hoặc có nguy cơ bị bệnh tiểu đường.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập***  - HS thảo luận cặp đôi và hoàn thành câu trả lời  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận***  - GV gọi HS bất kỳ trả lời câu hỏi.  ***\* Bước 4: Đ.giá kết quả thực hiện nhiệm vụ***  - GV mời học sinh khác nhận xét và bổ sung.  - GV chốt lại kiến thức và đánh giá , nhận xét các nhóm. | ***Học sinh trà lời câu hỏi***  Một người bị bệnh tiểu đường hoặc có nguy cơ bị bệnh tiểu đường khi chỉ số đo nồng độ đường trong máu lúc đói, chưa ăn uống gì (kể cả hút thuốc lá) lớn hơn hoặc bằng 6,5%; hoặc chỉ số đo tại thời điểm bất kì lớn hơn 11,1%. |